

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 34

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch
Ông Phạm Việt Anh	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 7 tháng 5 năm 2010) (Miễn nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2010)
Ông Tạ Đức Tiến	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2010)
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Hải	Thành viên
Ông Đoàn Minh Mẫn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 1 năm 2010)
Ông Lê Minh Tiến	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dân	Thành viên
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hùng Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Cự Tân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hùng Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam *ur*

1472-C
HÀNH
CÔNG TY
PHỐI HỢP
TTE
NAM
HỘI
O CHÍ

Số. 328 /2011/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) từ trang 5 đến trang 34 kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và các công ty con (gọi tắt là “Tổng Công ty”). Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoài vấn đề được trình bày ở đoạn bên dưới, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 12, phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã thực hiện ghi nhận khoản đầu tư vào Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited, là một liên doanh giữa Tổng Công ty và Malaysia International Shipping Corporation Sdn Bhd (MISC), theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty liên doanh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010. Năm tài chính của công ty liên doanh này kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2011 và được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác sau khi kết thúc niên độ tài chính. Chúng tôi không thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 của công ty liên doanh này.

Ý kiến

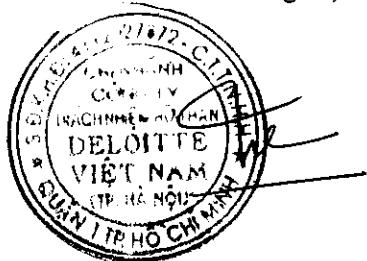
Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Tổng Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Phương pháp hạch toán chênh lệch tỷ giá theo thông tư này có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 201 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày tại Thuyết minh số 5.

Ý kiến (tiếp theo)

Chúng tôi cũng xin lưu ý vấn đề đã trình bày tại Thuyết minh số 6 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đang tạm thời ghi tăng một số tài sản thuộc dự án Bến số 1, 2 Cảng Nghi Sơn Thanh Hóa và Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu nhận chuyển nhượng từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với giá trị lần lượt là 447.082 triệu đồng và 270.078 triệu đồng. Nguyên giá và chi phí khấu hao của các tài sản này có thể được điều chỉnh lại sau khi Tổng công ty và Tập đoàn dầu khí Việt Nam thống nhất được giá chuyển nhượng.

Chúng tôi cũng đồng thời kiểm toán việc trình bày lại báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được đề cập tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Theo ý kiến của chúng tôi, việc trình bày lại này là phù hợp và đã được phản ánh đầy đủ.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 31 tháng 3 năm 2011
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

A handwritten signature in black ink, reading "Nguyễn Cao Nguyên".

Nguyễn Cao Nguyên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1184/KTV



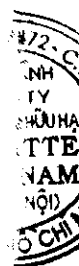
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: Triệu đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
				(Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.908.207	5.319.718
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	2.786.042	1.977.502
1. Tiền	111		2.118.906	1.436.156
2. Các khoản tương đương tiền	112		667.136	541.346
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.600	3.900
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.600	3.900
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.554.519	2.808.705
1. Phải thu khách hàng	131		3.223.462	2.743.143
2. Trả trước cho người bán	132		299.002	95.103
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		5.105	-
4. Các khoản phải thu khác	135		102.139	41.739
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(75.189)	(71.280)
IV. Hàng tồn kho	140	7	445.819	438.308
1. Hàng tồn kho	141		449.603	442.268
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.784)	(3.960)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		116.227	91.303
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.097	2.607
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		95.042	83.798
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	11
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		7.088	4.887



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: Triệu đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
				(Trình bày lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.604.993	7.158.093
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	185
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		362	310
2. Phải thu dài hạn khác	218		-	185
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(362)	(310)
II. Tài sản cố định	220		8.370.398	5.664.481
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	5.365.020	2.594.082
- Nguyên giá	222		7.552.448	4.292.253
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.187.428)	(1.698.171)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	17.696	148.357
- Nguyên giá	228		24.551	156.965
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.855)	(8.608)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	2.987.682	2.922.042
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.699.791	1.447.596
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	1.224.660	990.710
3. Đầu tư dài hạn khác	258	13	484.473	464.968
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(9.342)	(8.082)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		534.804	45.831
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	513.151	43.361
2. Tài sản dài hạn khác	268		3.166	2.470
3. Lợi thế thương mại	269	15	18.487	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		17.513.200	12.477.811



Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

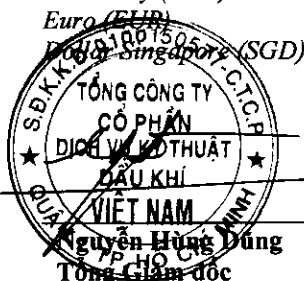
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: Triệu đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
				(trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		13.778.302	8.822.300
I. Nợ ngắn hạn	310		8.207.660	5.217.927
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	1.495.975	1.066.828
2. Phải trả người bán	312		2.543.417	2.258.189
3. Người mua trả tiền trước	313		342.737	429.243
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	191.638	182.071
5. Phải trả người lao động	315		254.798	174.353
6. Chi phí phải trả	316		1.484.486	513.982
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	1.732.253	571.802
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		162.356	21.459
II. Nợ dài hạn	330		5.570.642	3.604.373
1. Phải trả dài hạn người bán	331		559.427	-
2. Phải trả dài hạn khác	333		722.597	38
3. Vay và nợ dài hạn	334	19	4.232.266	3.597.946
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	335		47.938	-
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		8.414	6.389
B. NGUỒN VỐN	400		3.525.378	3.550.330
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	3.525.269	3.550.184
1. Vốn điều lệ	411		1.988.034	2.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		486.293	486.293
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		14.744	37.863
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		691.371	350.019
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		106.628	41.953
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		451	-
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		237.748	634.056
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		109	146
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		109	146
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	21	209.520	105.181
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	600		17.513.200	12.477.811

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
1. Ngoại tệ các loại			
Dollar Mỹ (USD)		51.601.354,42	47.497.652,60
Euro (EUR)			260,11
Dollar Singapore (SGD)			224.750,00



Nguyễn Hùng Dũng

Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Xuân Cường
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

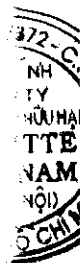
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
				(Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		16.881.636	10.685.545
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.031	27
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		16.879.605	10.685.518
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		15.711.492	9.612.290
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.168.113	1.073.228
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	500.296	336.006
7. Chi phí tài chính	22	24	521.997	326.846
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		138.724	100.933
8. Chi phí bán hàng	24		40.998	74.813
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		358.922	305.124
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		746.492	702.451
11. Thu nhập khác	31	25	221.810	154.556
12. Chi phí khác	32	26	51.834	68.522
13. Lợi nhuận khác	40		169.976	86.034
14. Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết, liên doanh	41	27	216.416	21.833
15. Lợi nhuận trước thuế	50		1.132.884	810.318
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	158.555	174.709
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28	47.938	-
18. Lợi nhuận sau thuế	60		926.391	635.609
<i>Phân phối cho:</i>				
Lợi ích của cổ đông của Tổng Công ty			920.635	638.438
Lợi ích của cổ đông thiểu số		18	5.756	(2.829)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	70	29	4.658	4.298



Nguyễn Xuân Cường

Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Xuân Cường
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	2009	
		2010	Trình bày
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.132.884	810.318
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	657.165	325.026
Các khoản dự phòng	03	5.045	65.917
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	190.449	96.597
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(264.126)	(64.596)
Chi phí lãi vay	06	138.724	100.933
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.860.141	1.334.195
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(670.450)	311.358
Tăng hàng tồn kho	10	(7.335)	(175.483)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	303.096	(32.065)
Tăng tài sản ngắn hạn khác	12	(326.096)	324.700
Tiền lãi vay đã trả	13	(192.125)	(69.151)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(155.501)	(129.541)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	811.730	1.564.013
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định	21	(1.509.189)	(2.243.014)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	151.966	59.692
3. Đầu tư vào các công ty khác và đầu tư dài hạn khác	25	(134.963)	(8.750)
4. Đầu tư góp vốn vào công ty con, các công ty liên kết	25	178.872	(904.320)
5. Tiền thu từ các khoản đầu tư, tiền cho vay	26	114.939	45.731*
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.198.375)	(3.050.661)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của cổ đông	31	510.118	1.017.730
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.281.452	1.727.464
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(405.408)	(226.333)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(193.930)	(120.332)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.192.232	2.398.529
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	805.587	911.881
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.977.502	1.047.879
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	2.953	17.742
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	2.786.042	1.977.502

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

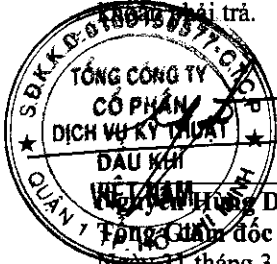
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền mua tài sản cố định không bao gồm 929.000 triệu đồng là giá trị tài sản mua trong năm chưa thanh toán cho người bán. Theo đó, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi đầu tư và góp vốn vào công ty khác không bao gồm 103.539 triệu đồng là khoản tiền phát sinh từ việc đầu tư dài hạn khác được thanh toán bằng cách bù trừ vào khoản công nợ phải thu và phải trả từ các công ty này. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu và phải trả.

Cổ tức đã trả cho cổ đông không bao gồm số tiền 504.275 triệu đồng là khoản cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2010. Theo đó, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Xuân Cường

Kiểm soát viên độc lập

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Xuân Cường
Kế toán trưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu Khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015198 cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 4 số 0100150577 ngày 28 tháng 10 năm 2009 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 20 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PVS. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Petro Việt Nam”) là cổ đông chính và là Công ty mẹ.

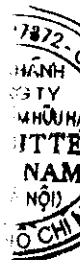
Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 7.561 người (năm 2009: 5.218 người).

Tổng Công ty có 10 công ty con và các Chi nhánh trực thuộc như sau:

- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí.
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí.
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Khai thác Dầu khí.
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng.
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ.
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Quảng Bình - Cảng Hòn La.
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội.
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng PTSC.
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Đầu tư đóng mới và mua sắm phương tiện nổi.
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ khí hàng hải.
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm dầu khí PTSC
- Công ty Cổ phần Lắp đặt, Vận hành Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí biển PTSC.
- Công ty Cổ phần Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi.
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa
- Công ty Cổ phần Khách sạn dầu khí.
- Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông
- Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ.
- Công ty Cổ phần đóng mới và sửa chữa phương tiện nổi PTSC
- Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu khí

Hoạt động chính

Kinh doanh dịch vụ dầu khí; quản lý, kinh doanh, khai thác các tàu dịch vụ; dịch vụ căn cứ cảng; dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ kiểm đếm và giao nhận vận chuyển hàng hoá; quản lý kinh doanh và khai thác các tàu chứa dầu (FSO), tàu chứa và xử lý dầu (FPSO); quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ khí hàng hải; gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí; chế tạo và lắp đặt các loại bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng và các loại đường ống dẫn dầu, dẫn khí; sửa chữa tàu biển và các công trình dầu khí biển; dịch vụ khảo sát địa vật lý, địa chất công trình, dịch vụ lặn, khảo sát ROV phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và các công trình công nghiệp, dân dụng; bảo dưỡng, sửa chữa, đóng mới, hoán cải các phương tiện nổi; xuất nhập khẩu thiết bị và vật tư dầu khí; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí; dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; kinh doanh khách sạn và văn phòng làm việc; dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; dịch vụ thuê tàu, môi giới tàu biển, lai dắt tàu biển và cứu hộ; kinh doanh các sản phẩm dầu khí và phân đạm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng triệu Đồng Việt Nam (triệu VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu doanh nghiệp trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được trình bày lại theo yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 để phản ánh các điều chỉnh đề nghị bởi Kiểm toán Nhà nước. Ảnh hưởng chi tiết của việc trình bày lại số liệu đến các khoản mục của báo cáo tài chính phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2010 như sau:

	Mã số	Số đã báo cáo năm trước	Số trình bày lại	Đơn vị: Triệu đồng Thay đổi thuần Tăng (Giảm)
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Doanh thu thuần	10	10.679.746	10.685.518	5.772
Giá vốn hàng bán	11	9.666.168	9.612.290	(53.878)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	336.128	336.006	(122)
Chi phí tài chính	22	327.803	326.846	(957)
Chi phí bán hàng	24	75.751	74.813	(938)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	305.436	305.124	(312)
Chi phí khác	32	69.039	68.522	(517)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	173.981	174.709	728
Lợi nhuận sau thuế	60	574.085	635.609	61.524
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	70	3.319	4.298	979
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Tiền	111	1.435.793	1.436.156	363
Phải thu khách hàng	131	2.686.559	2.743.143	56.584
Các khoản phải thu khác	135	39.957	41.739	1.782
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	(71.928)	(71.280)	648

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Hàng tồn kho	141	439.971	442.268	2.297
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	83.696	83.798	102
Tài sản cố định		2.593.951	2.594.082	131
Nguyên giá	222	4.289.120	4.292.253	3.133
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(1.695.169)	(1.698.171)	(3.002)
Chi phí trả trước dài hạn	261	27.999	43.361	15.362
Phải trả người bán	312	2.236.249	2.258.189	21.940
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	166.752	182.071	15.319
Phải trả người lao động	315	177.674	174.353	(3.321)
Chi phí phải trả	316	569.120	513.982	(55.138)
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	524.757	571.802	47.045
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	21.553	21.459	(94)
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	6.574	6.389	(185)
Lợi nhuận chưa phân phối	420	582.353	634.056	51.703

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh hoạt động mua công ty con.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế thương mại nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại là 10 năm.

Bất lợi thương mại

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh.

18/2-
HÀNH
CÔNG TY
NHỮNG
HIT)
NAM
NỘI)
CƠ CH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao hàng năm cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	2% - 16,67%
Máy móc, thiết bị	12,5% - 33,33%
Phương tiện vận tải	10% - 16,67%
Thiết bị quản lý	12,5% - 33,33%
Tài sản khác	12,5% - 33,33%

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và các phần mềm quản lý khác và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không tính khấu hao theo quy định hiện hành. Phần mềm quản lý được khấu hao trong thời gian 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo thời gian sử dụng của lô đất.

Tiền thuê đất phản ánh số tiền thuê 264.985 m² đất trả trước cho Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (UDEP) để sử dụng vào mục đích xây dựng Cảng Dạm và Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ với thời hạn 25 năm. Khoản tiền thuê đất này được phân bổ vào kết quả hoạt động

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Tiền thuê văn phòng tòa nhà số 1-5 Lê Duẩn bắt đầu từ tháng 10 năm 2010, thời hạn 50 năm. Tổng Công ty phân bổ khoản tiền thuê này vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng từ hai đến ba năm.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu từ các khoản cho thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư (trừ lãi từ đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh) được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được hạch toán như sau:

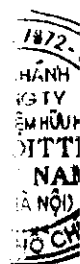
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (VAS10). Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Việc hạch toán chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 giảm 23.119 triệu đồng (năm 2009: tăng 37.863 triệu đồng) và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 giảm một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS10.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất tài sản cố định cho năm tài chính trước khi được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản (được vốn hóa); chi phí đi vay phát sinh sau khi tài sản đã đưa vào sử dụng, kinh doanh được ghi nhận vào chi phí trong năm.

Chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp phản ánh tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì lợi nhuận thuần không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Trình bày lại Triệu VNĐ
Tiền mặt	6.857	3.486
Tiền gửi ngân hàng	2.112.043	1.432.670
Tiền đang chuyển	6	-
Các khoản tương đương tiền	667.136	541.346
	2.786.042	1.977.502

Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Số dư khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm khoản 2.251 triệu đồng là khoản tiền gửi được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Trình bày lại Triệu VNĐ
Hàng mua đang đi đường	63.957	79.627
Nguyên liệu, vật liệu	144.759	190.820
Công cụ, dụng cụ	8.457	2.981
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	230.892	164.728
Hàng hóa	1.538	4.112
	449.603	442.268
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.784)	(3.960)
	445.819	438.308

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VNĐ	Máy móc, thiết bị Triệu VNĐ	Phương tiện vận tải Triệu VNĐ	Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác Triệu VNĐ	Tài sản cố định khác Triệu VNĐ	Tổng Triệu VNĐ
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2010 (trình bày lại)	1.145.028	442.969	2.653.038	51.218	-	4.292.253
Mua sắm mới	679.396	124.267	1.691.670	15.946	10.353	2.521.632
Chuyển từ XDCBDD	315.271	63.467	367.322	2.409	-	748.469
Tăng do hợp nhất	136.738	34.764	4.484	353	-	176.339
Tăng khác	9.396	-	56.486	-	291	66.173
Thanh lý, nhượng bán	(10.769)	(2.729)	(232.718)	(3.619)	-	(249.835)
Giảm khác	-	-	-	(2.583)	-	(2.583)
Tại ngày 31/12/2010	2.275.060	662.738	4.540.282	63.724	10.644	7.552.448
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2010 (trình bày lại)	182.580	91.424	1.389.589	34.578	-	1.698.171
Trích khấu hao	148.093	70.598	419.707	11.519	1.841	651.758
Tăng khác	21.518	4.352	60.597	-	-	86.467
Thanh lý, nhượng bán	(7.332)	(3.538)	(232.704)	(3.482)	-	(247.056)
Giảm khác	-	-	-	(1.912)	-	(1.912)
Tại ngày 31/12/2010	344.859	162.836	1.637.189	40.703	1.841	2.187.428
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2010	1.930.201	499.902	2.903.093	23.021	8.803	5.365.020
Tại ngày 31/12/2009	962.448	351.545	1.263.449	16.640	-	2.594.082

Tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm một số tài sản với nguyên giá là 447.082 triệu đồng là tài sản được nhận chuyển nhượng từ Petro Việt Nam thuộc dự án bến số 1, 2 Cảng Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Các tài sản này đang được ghi tăng theo giá trị ghi sổ kế toán để tạm tính khấu hao khi tài sản được đưa vào sử dụng. Nguyên giá và chi phí khấu hao của các tài sản này có thể thay đổi khi Tổng Công ty và Petro Việt Nam thống nhất được giá chuyển nhượng.

Trong năm, Tổng Công ty đã tạm thời ghi nhận tài sản cố định là nhà cửa và vật kiến trúc tại số 9-11 đường Hoàng Diệu, thành phố Vũng Tàu với số tiền là 270.078 triệu đồng dựa trên nghị quyết số 1469/NQ-DKVN về việc “thông qua chủ trương thực hiện phương án tái cấu trúc tổng thể và hỗ trợ tài chính cho PTSC” của Petro Việt Nam. Theo đó, chi phí khấu hao của các tài sản này được trích trong ứng trong năm là 9.567 triệu đồng. Nguyên giá và chi phí khấu hao của những tài sản này có thể thay đổi khi Tổng Công ty và Petro Việt Nam thống nhất được giá chuyển nhượng.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Như trình bày tại Thuyết minh số 16 và 19, Tổng Công ty đã thế chấp các tài sản hình thành từ vốn vay với nguyên giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 2.308.735 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 1.305.111 triệu đồng) để đảm bảo cho một số khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 996.252 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 715.388 triệu đồng).

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất Triệu VNĐ	Phần mềm máy tính Triệu VNĐ	Tổng Triệu VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2010	147.197	9.768	156.965
Tăng trong năm	400	13.159	13.559
Giảm khác	(145.886)	(87)	(145.973)
Tại ngày 31/12/2010	1.711	22.840	24.551
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2010	5.333	3.275	8.608
Khấu hao trong năm	-	3.638	3.638
Giảm khác	(5.333)	(58)	(5.391)
Tại ngày 31/12/2010	-	6.855	6.855
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	1.711	15.985	17.696
Tại ngày 31/12/2009	141.864	6.493	148.357

Khoản mục giảm khác trong năm bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn với giá trị 145.886 triệu đồng của Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ đã phân loại lại sang tài khoản chi phí trả trước dài hạn. Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ đã trả tiền 1 lần cho thời hạn thuê 50 năm.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Đóng mới kho nổi chứa xuất dầu FSO5	2.604.316	2.388.594
Dự án mở rộng căn cứ cảng hạ lưu Vũng Tàu	208.726	98.581
Cảng Đạm và Dịch vụ Tổng hợp Phú Mỹ	-	129.711
Dự án mở rộng căn cứ hạ lưu (46,7ha)	-	29.775
Khu dịch vụ dầu khí tổng hợp Dung Quất	9.724	23.739
Dự án đóng 02 tàu 3500HP	-	153.370
Sà lan 5000 tấn	-	80.678
Nối dài Bến Cầu tàu tại Dung Quất	-	4.173
Nhà tập thể thao và sân Tennis	-	5.969
Nhà xưởng Công ty Tàu	1.091	-
Dự án tiếp nhận và Đầu tư MR GĐII Cảng Hòn La	36.017	-
Nhà nghỉ giữa ca khu 8 Hecta	9.957	-
Cải tạo khách sạn từ 3 sao lên 4 sao (Khách sạn Phương Đông)	939	-
Dự án Đóng mới và kinh doanh tàu Dịch vụ Đa năng 10.000 HP	2.057	-
Công trình văn phòng công ty Tàu	1.227	-



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Trung tâm thương mại Đà Nẵng	10.003	-
Khu nhà xưởng Cơ khí Bảo dưỡng	15.974	-
Hệ thống phun bi tổng đoạn	16.122	-
Dự án đóng 1 tàu Tug Boat 2200HP	21.642	-
Căn cứ chế tạo phương tiện nổi	28.617	-
Khu Dv công ty Halliburton	6.859	-
Kho đôi cho công ty Chevron & Công ty Trường Sơn JOC thuê	2.671	-
Các công trình thiết bị phụ trợ cho Xưởng cơ khí tại căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí hạ lưu Vũng Tàu	2.013	-
Trạm cấp nhiên liệu	1.822	-
Cải tạo khu nhà ở của người lao động	1.371	-
Bãi bê tông làm bãi xe trước xưởng cơ khí mới	1.043	-
Khác	5.491	7.452
	<u>2.987.682</u>	<u>2.922.042</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Tổng Công ty đã thế chấp các một số công trình xây dựng cơ bản dở dang với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 46.832 triệu đồng để đảm bảo cho một số khoản vay ngân hàng.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa điểm</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu %</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ khí hàng hải	Việt Nam	100	Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty Cổ phần Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi	Việt Nam	100	Thương mại, xây dựng
Công ty Cổ phần Lắp đặt, Vận hành Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí biển PTSC	Việt Nam	100	Vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Việt Nam	100	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	Việt Nam	52	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Khách sạn dầu khí	Việt Nam	100	Dịch vụ khách sạn
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu Khí Phương Đông	Việt Nam	60,39	Dịch vụ Du lịch
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, viễn thông và tự động hóa Dầu Khí	Việt Nam	51	Dịch vụ Công nghệ thông tin
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm dầu khí PTSC	Việt Nam	100	Dịch vụ khảo sát và công trình ngầm
Công ty Cổ phần đóng mới và sửa chữa phương tiện nổi PTSC	Việt Nam	51	Dịch vụ đóng tàu và cầu kiện nổi

Từ ngày 24 tháng 2 năm 2010, Tổng Công ty đã chuyển đổi Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC từ một công ty con thành chi nhánh trực thuộc Tổng Công ty. Toàn bộ tài sản và công nợ của công ty con này được hợp nhất vào báo cáo tài chính Tổng Công ty theo giá trị ghi sổ tại ngày chuyển đổi.

Theo hợp đồng chuyển nhượng số 10566/2009/DKVN-HD ngày 29 tháng 10 năm 2009, Tổng Công ty mua lại phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (gọi tắt là "PTSC Phương Đông") từ Petro Việt nam. Theo đó, kể từ ngày 4 tháng 3 năm 2010, thời điểm bàn giao quyền sở hữu, PTSC Phương Đông trở thành công ty con của Tổng công ty.

Theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 344-2009/PTSC- TCNS/HDKD ngày 31 tháng 12 năm 2009, Tổng Công ty mua lại phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (gọi tắt là "PV Tech") từ Petro Việt nam. Theo đó, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, PV Tech

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

trở thành công ty con của Tổng Công ty. Bất lợi thương mại phát sinh với số tiền là 2.021 triệu đồng từ nghiệp vụ mua PV Tech được Tổng Công ty ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Trong năm, Tổng Công ty đã thành lập công ty con mới là Công ty TNHH MTV Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (“PTSC Thanh Hóa”) theo Nghị quyết số 7254/NQ-DKVN ngày 18 tháng 9 năm 2009. Ngành nghề hoạt động chủ yếu của PTSC Thanh Hóa này là quản lý điều hành, kinh doanh và khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí; kinh doanh các dịch vụ cảng.

Theo Nghị quyết số 284/QĐ-DVKT-HĐQT ngày 24 tháng 9 năm 2010, Tổng Công ty đã giải thể Công ty TNHH MTV Đại lý tàu biển PTSC. Tất cả các hợp đồng đã ký kết, tài sản và công nợ được chuyển giao cho Tổng Công ty.

Theo Nghị Quyết số 213/NQ-DVKT-HĐQT ngày 24 tháng 8 năm 2010, Tổng Công ty đã góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa phương tiện nổi (PTSC Shipyard) với vốn điều lệ là 300 tỷ đồng. Trong đó, Tổng Công ty góp 153 tỷ đồng, tương đương với 51% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã tiến hành góp vốn với số tiền là 25.593 triệu đồng. Ngành nghề hoạt động chủ yếu của PTSC Shipyard là đóng tàu; xây dựng công trình; sản xuất các cấu kiện kim loại và động cơ; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.

Theo Nghị quyết số 213/NQ-DKVN ngày 24 tháng 8 năm 2010, Tổng Công ty đã thành lập công ty con mới là Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ khảo sát và công trình ngầm PTSC (“PTSC G&S”) với vốn điều lệ là 300 tỷ đồng. Tổng Công ty đã thực hiện góp vốn vào năm 2010. Ngành nghề hoạt động chủ yếu của PTSC G&S là khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa chất thủy văn; hoạt động phục vụ thăm dò và khai thác dầu khí; khảo sát địa chấn 2D, 3D biển, biển chuyển tiếp và đất liền; khảo sát địa vật lý; dịch vụ khảo sát ROV; dịch vụ xây lắp, bảo dưỡng, sửa chữa và tháo dỡ công trình ngầm; dịch vụ lặn khảo sát; dịch vụ định vị.

Trong năm, Tổng Công ty đã tiến hành chuyển đổi một số công ty con từ hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần, bao gồm: Công ty Cổ phần Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi, Công ty Cổ phần Lắp đặt, Vận hành Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí biển PTSC, Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa, Công ty Cổ phần Khách sạn dầu khí. Các công ty trên đã hoàn thành việc chuyển đổi và bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2011. Ngoài ra, Tổng Công ty cũng đã có kế hoạch chuyển đổi một số các chi nhánh thành công ty cổ phần trong năm 2011 theo Nghị quyết số 1879/NQ-DKVN ngày 6 tháng 8 năm 2010 của Petro Việt Nam.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Giá trị khoản đầu tư gốc	993.175	963.426
Phần kết quả thuần của các công ty liên kết, liên doanh:		
Các năm trước	15.069	5.451
Trong năm	216.416	21.833
	1.224.660	990.710

Phần kết quả thuần trong năm bao gồm phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận của công ty liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited với số tiền là 224.833 triệu đồng. Đây là khoản lợi nhuận được ghi nhận từ báo cáo tài chính của liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên công ty	Địa điểm	Tỷ lệ	
		Sở hữu	Hoạt động chính
Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12	Singapore	33,00%	Dịch vụ dầu khí
Malaysia VietNam Offshore Terminal Limited	Malaysia	49,00%	Dịch vụ tàu thuyền
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	Malaysia	60,00%	Dịch vụ tàu thuyền
Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt nam	Việt Nam	37,00%	Dịch vụ dầu khí
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	Việt Nam	20,05%	Dịch vụ căn cứ cảng

Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (VOFT) được thành lập trong năm 2009 giữa Tổng Công ty cùng với đối tác Malaysia International Shipping Corporation (MISC) để đầu tư kho nổi chứa dầu "FPSO Ruby II", trong đó Tổng Công ty chiếm 60% vốn. Hoạt động của liên doanh là sở hữu, quản lý, và khai thác kho nổi chứa dầu "FPSO Ruby II" phục vụ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí của khách hàng Petronas. Từ tháng 6 năm 2010, kho nổi "FPSO Ruby II" đã bắt đầu hoạt động và đưa vào vận hành khai thác.

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Cho vay Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12	243.581	278.096
Đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần khác	240.892	186.872
	484.473	464.968
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(9.342)	(8.082)
	475.131	456.886

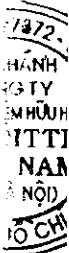
Khoản cho Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12 vay là khoản vay không có bảo đảm và được hưởng lãi suất BBA LIBOR và sẽ được hoàn trả hết vào ngày 30 tháng 9 năm 2016. Khoản cho vay nói trên được thực hiện theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh với Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số dư khoản cho vay này tương đương 12.866.112,71 đô la Mỹ.

Đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần khác là các khoản đầu tư dài hạn của Tổng Công ty vào các cổ phiếu chưa niêm yết trong các doanh nghiệp và Tổng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đến các chính sách tài chính và hoạt động.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn khác và trích lập dự phòng giảm giá các đầu tư theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Trình bày lại Triệu VNĐ
Thuê đất tại Cảng đạm Phú Mỹ	9.701	12.934
Thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn	326.763	-
Thuê đất tại Khu kinh tế Đình Vũ	136.789	-
Giá trị lợi thế kinh doanh	13.146	-
Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác	26.752	30.427
	513.151	43.361



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tiền thuê đất phản ánh số tiền thuê 264.985 m² đất trả trước cho Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (UDEC) để sử dụng vào mục đích xây dựng Cảng Đạm và Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ với thời hạn 25 năm. Khoản tiền thuê đất này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm căn cứ vào tình hình thực tế sử dụng.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn với số tiền 326.763 triệu đồng, có thời hạn thuê 50 năm tính từ tháng 10 năm 2010. Tổng Công ty phân bổ khoản tiền thuê này vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.

PTSC Đình Vũ đã thực hiện thuê 139.000 m² đất tại khu kinh tế Đình Vũ - Hải Phòng của Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ (nay là Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ) với mục đích đầu tư xây dựng Căn cứ Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí và Cảng phục vụ Khu công nghiệp. Thời hạn thuê đất từ tháng 10 năm 2007 đến tháng 4 năm 2047. Giá trị quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ tháng 7 năm 2008 đến hết thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi và Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Thanh Hóa khi thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần. Giá trị lợi thế kinh doanh sẽ được các công ty trên phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng kể từ năm 2011.

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại là chênh lệch giữa giá phí mà Tổng Công ty mua Công ty Cổ phần Du lịch Dầu Khí Phương Đông ("PTSC Phương Đông") và phần lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý tài sản thuần của PTSC Phương Đông tại thời điểm mua. Khoản lợi thế thương mại này được phân bổ trong 10 năm.

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Vay ngắn hạn	879.607	657.000
<i>Trong đó:</i>		
- Vay từ Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt nam (PVFC)	679.009	657.000
- Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	598	-
- Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	200.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	616.368	409.828
	1.495.975	1.066.828

Khoản vay ngắn hạn PVFC sẽ đáo hạn trong năm 2011 và chịu lãi tiền vay với lãi suất từ 1,5% đến 8,392% một năm. Khoản vay này được bảo lãnh bởi Petro Việt Nam.

Vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam là khoản vay của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu Khí Phương Đông dưới hình thức hạn mức tín dụng với hạn mức tối đa là 1.400 triệu đồng. Các khoản này sẽ đáo hạn trong năm 2011 và chịu lãi suất 14%/năm.

Khoản vay ngắn hạn Vietcombank không có đảm bảo và đáo hạn ngày 28 tháng 2 năm 2011, lãi suất áp dụng cho khoản vay này bằng 1,25%/tháng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Trình bày lại Triệu VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	57.884	50.993
Thuế tiêu thụ đặc biệt	109	-
Thuế xuất, nhập khẩu	48	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	71.318	68.265
Thuế thu nhập cá nhân	20.476	6.361
Tiền thuế đất	-	196
Các loại thuế khác	41.803	56.256
	<u>191.638</u>	<u>182.071</u>

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

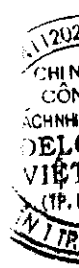
	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Trình bày lại Triệu VNĐ
Phải trả Petro Việt Nam	815.011	191.337
Vốn góp của cổ đông để tăng vốn điều lệ năm 2011	510.118	
Phải trả tiền lương, thưởng	97.046	78.930
Cổ tức phải trả	149.572	2.288
Khác	160.506	299.247
	<u>1.732.253</u>	<u>571.802</u>

Phải trả Petro Việt Nam bao gồm các khoản cổ tức, phải trả do chuyển nhượng các công ty con, quyết toán số tiền phải nộp về lãi vay ủy thác vốn, phí quản lý và các khoản phải trả khác.

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Đồng Việt Nam	737.365	567.165
Đô la Mỹ	4.111.269	3.440.609
	<u>4.848.634</u>	<u>4.007.774</u>

Vay dài hạn thể hiện các khoản vay bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ, từ các Ngân hàng Bangkok, Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam, Ngân hàng China Trust, Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Indovina Việt Nam, Ngân hàng Liên doanh Việt Nga, Ngân hàng Nataxis Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đại Dương, Ngân hàng TMCP Liên Việt, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Tokyo Mitsubishi UFJ Việt Nam, Tổng Công ty tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam và một số ngân hàng khác với lãi suất từ 8% đến 16,5% đối với đồng Việt Nam; từ 1,86% đến 7% đối với khoản vay bằng đô la Mỹ. Các khoản vay này được Petro Việt Nam bảo lãnh hoặc bảo đảm bằng tài sản hình thành từ các khoản vay hoặc không có bảo đảm. Số dư các khoản vay bằng đô la Mỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 217.159.766 đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 191.773.556 đô la Mỹ).



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Trong vòng 1 năm	616.368	409.828
Từ 1 năm đến 2 năm	717.640	508.856
Từ 2 năm đến 5 năm	1.913.571	1.495.625
Trên 5 năm	1.601.055	1.593.465
	4.848.634	4.007.774
Trừ số vay dài hạn phải trả trong vòng 1 năm (trình bày như vay ngắn hạn, xem Thuyết minh 16)	(616.368)	(409.828)
Số phải trả sau 12 tháng	4.232.266	3.597.946

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

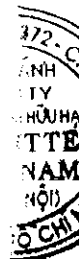
Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Tại Nghị quyết số 92/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty đã phê duyệt phương án phát hành thêm 100 triệu cổ phiếu, tương đương 1.000.000.000.000 đồng, để tăng vốn điều lệ. Theo đó, vốn điều lệ của Tổng công ty là 3.000.000.000.000 đồng.

Theo Quyết định số 471/UBCK-GCN ngày 26 tháng 11 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng Công ty được chấp thuận chào bán bổ sung 99.401.715 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1. Tính đến hết ngày 15 tháng 2 năm 2011, số lượng cổ phần đã được cổ đông hiện hữu của Tổng Công ty mua và nộp tiền là 98.998.663. Số lượng cổ phần không bán hết còn lại đến ngày 15 tháng 2 năm 2011 là 403.052 hiện chưa có phương án xử lý.

Chi tiết vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010:

	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Số tiền góp vốn Triệu VNĐ
Petro Việt Nam	51,3	102.000.000	1.020.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	12,6	25.042.740	250.427
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Dương	5,4	10.800.000	108.000
Các cổ đông khác	30,7	60.960.691	609.607
	100	198.803.431	1.988.034



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thay đổi của vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đổi Triệu VND	Các quỹ Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tại ngày 1/1/2009	1.750.000	-	-	162.385	334.049	2.246.434
Tăng vốn điều lệ	250.000	486.293	-	-	-	736.293
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	638.439	638.439
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	229.587	(229.587)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(87.500)	(87.500)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	37.863	-	-	37.863
Giảm khác	-	-	-	-	(21.345)	(21.345)
Tại ngày 31/12/2009	2.000.000	486.293	37.863	391.972	634.056	3.550.184
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	920.635	920.635
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	405.840	(600.671)	(194.831)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(698.205)	(698.205)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(23.119)	-	-	(23.119)
Giảm khác	(11.966)	-	-	638	(18.067)	(29.395)
Tại ngày 31/12/2010	1.988.034	486.293	14.744	798.450	237.748	3.525.269

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 92/NQ - DVKT - ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2010, các cổ đông của Tổng Công ty đồng ý phương án phân phối lợi nhuận của năm 2009 như sau: trích quỹ đầu tư phát triển 44.065 triệu đồng, quỹ dự phòng tài chính 27.754 triệu đồng, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban Điều hành là 83.262 triệu đồng và chia cổ tức cho các cổ đông là 400.000 triệu đồng.

Trong năm, căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nêu trên, Tổng Công ty đã tạm trích cổ tức năm 2010 với số tiền 298.205 triệu đồng (theo tỉ lệ 15%/cổ phần) và tạm trích các quỹ đầu tư phát triển, dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền lần lượt là 255.468 triệu đồng, 34.604 triệu đồng và 103.814 triệu đồng. Số liệu cuối cùng đối với việc chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2010 sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội cổ đông thường niên.

Giảm khác của vốn điều lệ tương ứng với 1.196.569 cổ phần được mua bằng Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Tổng Công ty. Theo Quyết định số 471/UBCK-GCN ngày 26 tháng 11 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng Công ty chưa được ghi tăng vốn và niêm yết số cổ phiếu tương ứng với số cổ phần này. Theo đó, vốn điều lệ của Tổng Công ty được điều chỉnh giảm tương ứng với số cổ phần này.

21. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	PTSC Đình Vũ	PV Tech	Phương Đông	PTSC Shipyard
Vốn điều lệ của công ty con	225.000	34.267	150.000	63.213
<i>Trong đó:</i>				
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	117.000	19.111	90.600	25.593
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	108.000	15.156	59.400	37.620
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	48%	44.23%	39.60%	59.51%

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần của PTSC Đình Vũ, PV Tech, Công ty cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông và PTSC Shipyard tại ngày 31 tháng 12 năm 2010:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	Triệu VNĐ				Tổng cộng
	PTSC Đình Vũ	PV Tech	PTSC Phương Đông	PTSC Shipyard	
Tổng tài sản	515.095	77.718	185.442	91.549	869.804
Tổng nợ phải trả	287.783	38.587	67.728	30.198	424.296
Tài sản thuần	227.312	39.131	117.714	61.351	445.508
<i>Chi tiết như sau:</i>					
Vốn điều lệ	225.000	34.267	150.000	63.213	472.480
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	22.819	-	22.819
Chênh lệch tỷ giá	127	-	-	(60)	67
Các quỹ	-	1.357	304	-	1.661
(Lỗ)/lợi nhuận lũy kế	2.185	3.507	(55.409)	(1.802)	(51.519)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	109.049	17.308	46.615	36.548	209.520
<i>Chi tiết như sau:</i>					
Vốn điều lệ	108.000	15.156	59.400	37.620	220.176
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	9.037	-	9.037
Các quỹ	-	600	120	-	720
Lợi nhuận chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)	1.049	1.552	(21.942)	(1.072)	(20.413)

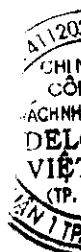
Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm như sau:

	Triệu VNĐ				Tổng cộng
	PTSC Đình Vũ	PV Tech	PTSC Phương Đông	PTSC Shipyard	
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	8.105	4.964	1.901	(1.802)	13.168
Lợi nhuận/(lỗ) của cổ đông thiểu số	3.890	2.196	742	(1.072)	5.756

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành năm bộ phận kinh doanh với hoạt động chủ yếu như sau.

Bộ phận kinh doanh	Hoạt động
Dịch vụ cung ứng tàu biển	Cho thuê và cho thuê lại tàu dịch vụ dầu khí
Cung cấp dịch vụ cảng	Cung cấp dịch vụ căn cứ cảng, cho thuê văn phòng và cung cấp dịch vụ khác có liên quan
Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí
Sửa chữa, vận hành và lắp đặt	Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí
Cung cấp các dịch vụ khác	Cung cấp các dịch vụ khác phục vụ cho ngành dầu khí



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẤU B 09 - DN/HN

Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo năm bộ phận kinh doanh này như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Dịch vụ cung ứng tàu biển	Cung cấp dịch vụ cảng	Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Sửa chữa, vận hành và lắp đặt	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản							
Tài sản bộ phận	7.672.261	3.929.960	3.898.759	2.460.574	2.910.334	(4.666.730)	16.205.158
Lãi từ công ty liên kết							231.486
Tài sản không phân bổ							1.076.556
Tổng tài sản hợp nhất							17.513.200

Nợ phải trả

Nợ phải trả bộ phận	6.369.425	3.375.117	2.925.248	2.623.686	1.601.058	(4.666.730)	12.227.804
Nợ phải trả không phân bổ							1.550.498
Tổng nợ phải trả hợp nhất							13.778.302

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Doanh thu

Doanh thu thuần từ bán ra bên ngoài	3.947.609	827.602	7.492.768	2.961.575	1.650.051		16.879.605
Doanh thu thuần từ bán cho các bộ phận khác	390.158	235.178	373.649	349.697	719.193	(2.067.875)	-
Tổng doanh thu	4.337.767	1.062.780	7.866.417	3.311.272	2.369.244	(2.067.875)	16.879.605

Lợi nhuận gộp

Lợi nhuận gộp bộ phận	408.527	218.934	192.744	221.826	126.082		1.168.113
-----------------------	---------	---------	---------	---------	---------	--	-----------

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý
 Lộ thuần từ hoạt động tài chính
 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh
 Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác
 Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết
 Lợi nhuận trước thuế
 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
 Chi phí thuế thu nhập hoãn lại
 Lợi nhuận trong năm

(399.920)							
(21.701)							
746.492							
169.976							
216.416							
1.132.884							
(158.555)							
(47.938)							
926.391							

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2010 Triệu VNĐ	2009 Trình bày lại Triệu VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	98.760	50.218
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.179	6.633
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	384.175	262.560
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.182	16.595
	500.296	336.006

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2010 Triệu VNĐ	2009 Trình bày lại Triệu VNĐ
Chi phí lãi vay	138.724	100.933
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	183.078	95.690
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	190.449	117.977
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn	1.260	2.716
Chi phí tài chính khác	8.486	9.530
	521.997	326.846

25. THU NHẬP KHÁC

	2010 Triệu VNĐ	2009 Trình bày lại Triệu VNĐ
Hoa hồng bán hàng	-	12.250
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	151.966	72.251
Thu tiền phạt giao hàng chậm	2.511	-
Hoàn nhập dự phòng	-	3.378
Tiền bồi thường	1.942	-
Chênh lệch do định giá tài sản	32.797	-
Các khoản thu nhập khác	32.594	66.677
	221.810	154.556

26. CHI PHÍ KHÁC

	2010 Triệu VNĐ	2009 Trình bày lại Triệu VNĐ
Phạt, bồi thường	13	64.506
Chi thanh lý tài sản cố định	46.725	-
Các khoản chi phí khác	5.096	4.016
	51.834	68.522

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. PHÂN LỢI NHUẬN THUẬN TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	2010 Triệu VNĐ	2009 Triệu VNĐ
Công ty CP vận tải sản phẩm khí quốc tế	-	12.090
Công ty Bảo Dưỡng và sửa chữa công trình dầu khí	-	125
Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV12	13.416	9.390
Malaysia VietNam Offshore Terminal Limited	224.833	228
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	(30.159)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	5.036	-
Công ty Cổ phần Bảo vệ An ninh Dầu khí	3.290	-
	216.416	21.833

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2010 Triệu VNĐ	2009 Trình bày lại Triệu VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	1.132.884	810.318
<i>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</i>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(216.416)	(34.611)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	69.502	4.549
Thu nhập chịu thuế	985.970	780.256
Thuế thu nhập doanh nghiệp	246.493	195.064
Giảm trừ thuế	(87.938)	(20.355)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	158.555	174.709
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	47.938	-

Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (2007 và 2008) và được giảm 50% trong hai năm tiếp theo. Năm 2010, là năm thứ hai Tổng Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, một khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi giảm trong kỳ là 87.938 triệu đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, một khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 47.938 triệu đồng được ghi nhận cho phần thu nhập được hưởng từ kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên doanh, liên kết. Ngoài ra, Tổng Công ty không ghi nhận khoản thuế thu nhập hoãn lại nào khác do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2010	2009 (Trình bày lại)
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (Triệu VNĐ)	920.635	638.439
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	920.635	638.439
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	197.639.047	148.528.238
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	<u>4.658</u>	<u>4.298</u>

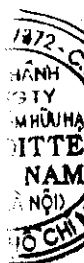
30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động tàu và một số tài sản khác không hủy ngang với tổng số tiền thuê 5.089.802 triệu đồng (năm 2009: 1.357.723 triệu đồng). Các hợp đồng thuê tàu được ký với thời hạn từ 1 đến 5 năm tính từ năm 2009.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2010 Triệu VNĐ	2009 Triệu VNĐ
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro Petro Việt Nam	-	492.049
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí Việt Nam	211.197	146.552
Tổng Công ty Khí Việt Nam	990.496	78.525
Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam	98.436	2.874
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	4.146	2.068
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	53.157	39
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	592	1.586
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	3.966	4.715
Tổng Công ty Cổ phần Phân đạm và hóa chất Dầu khí	2.513	32
Chi nhánh Petro Việt Nam - Công ty điều hành dầu khí biển Đông	884.436	-
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	1.009.618	-
Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	47.558	-
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	17.266	-
Mua Công ty con từ Tập đoàn (Phương Đông, PV Tech)		
Petro Việt Nam	<u>122.648</u>	<u>-</u>
Chi phí lãi vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	139.300	42.770
Petro Việt Nam	<u>-</u>	<u>18.394</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm:**

	2010 Triệu VNĐ	2009 Triệu VNĐ
Lương và các khoản thu nhập khác	7.690	6.460

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
Các khoản phải thu		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	270.851	285.982
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro	-	12.522
Tổng Công ty Thăm dò - Khai thác Dầu khí	169.284	265.467
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	3.062
Tổng Công ty Cổ phần khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	26.418	296
Tổng Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí	5.654	35
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	31	4.925
Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	6.597	101.071
Tổng Công ty Cổ Phần Vận tải Dầu khí	337	819
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	101.179	-
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	17.057	-

Phải trả

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.536.716	441.181
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro	-	-
Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	18.597	11.910
Tổng Công ty Chế biến & Kinh doanh sản phẩm dầu mỏ	-	-
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	26.133	4.577
Tổng Công ty Thăm dò - Khai thác Dầu khí	559.702	119
Tổng Công ty Cổ phần khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	40.620	102.412
Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam	11.888	8.003
Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	24.276	117.454
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	691	6.132
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	11.007	882
Tổng Công ty Điện lực dầu khí	-	11.290
Tổng Công ty Cổ Phần Vận tải Dầu khí	1.289	173
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	16.372	-
Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	2.519	-
Công ty CP Dầu khí Đầu tư khai thác Cảng Phước An (PAP)	2.516	-

Vay dài hạn

Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	2.186.524	2.278.965
---	-----------	-----------

Vay ngắn hạn

Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	679.009	657.000
---	---------	---------

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ngày 23 tháng 2 năm 2011 Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam đã ban hành Nghị quyết về việc thông qua chủ trương thực hiện Phương án tái cấu trúc tổng thể và hỗ trợ tài chính cho Tổng Công ty Cổ phần dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam -PTSC, theo đó Tổng Công ty sẽ triển khai thực hiện tăng tỷ nắm giữ cổ phần và trở thành Công ty mẹ của các công ty: Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard), Công ty Cổ phần Cảng Phước An và Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Vào ngày 11 tháng 2 năm 2111, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh tăng tỉ giá bình quân liên ngân hàng Việt Nam Đồng và Đô la Mỹ lên 20.693 đồng/Đô la Mỹ. Quyết định này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty trong năm 2011 do lỗ chênh lệch tỉ giá phát sinh từ các khoản vay và các khoản thanh toán cho dịch vụ phần lớn thực hiện bằng Đô la Mỹ. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng việc thay đổi tỷ giá sẽ không có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Tổng Công ty do phần lớn các khoản thu của Tổng Công ty cũng được thực hiện bằng Đô la Mỹ.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Theo hướng dẫn Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, khoản mục Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trình bày là một khoản nợ ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán. Theo đó, Tổng Công ty đã thực hiện phân loại lại khoản mục Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 nhằm mục đích so sánh với số liệu của năm nay.

	31/12/2009 (sau phân loại)	Triệu VND 31/12/2009 (trước phân loại)
A. NỢ PHẢI TRẢ		
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21.553	
B. NGUỒN VỐN		
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	21.553

**Nguyễn Hùng Dũng****Tổng Giám đốc**

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Thành phố Hồ Chí Minh. CHXHCN Việt Nam

*uua**Cuo***Nguyễn Xuân Cường****Kế toán trưởng**

Van phòng Hà Nội

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Lang Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84 (0)4 6288 3568
Fax: +84 (0)4 6288 5678

Van phòng Tp. Hồ Chí Minh

Lầu 11, Trung tâm Thương mại Sài Gòn
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +84 (0)8 3910 0751
Fax: +84 (0)8 3910 0750